

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2023

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Dư

- Ông Lê Xuân Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Nữ Thanh Hương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2023, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Văn B, sinh năm: 1967

Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm: 1967

Nơi cư trú: 71B/5 Phan Chu Trinh, tổ dân phố T, phường L, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/9/2022, bản tự khai ngày 01/3/2023, nguyên đơn ông Ngô Văn B trình bày: Ông và bà Trương Thị H tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1988, đến năm 1998 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26, cấp ngày 14/3/1998. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hòa hợp nên từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Thị H.

Về con chung: Ông B và bà H có 01 con chung là Ngô Tấn V, sinh năm 1991 đã trưởng thành tự lập riêng, ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

Bà Trương Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không có ý kiến trình bày, yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Ngô Văn B có đơn đơn xin xét xử vắng mặt, bà Trương Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Ông Ngô Văn B yêu cầu ly hôn bà Trương Thị H. Yêu cầu của Ông B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông B và bà H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1988, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26, cấp ngày 14/3/1998. Do đó, hôn nhân giữa ông B và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nhận thấy bà H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử, việc bà H không có ý kiến trình bày và không tham gia hòa giải, phiên tòa, thể hiện bà H bỏ mặc quan hệ vợ chồng giữa bà và ông B, hiện nay vợ chồng không còn chung sống với nhau và quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông B yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông B yêu cầu được ly hôn bà H là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông B và bà H có 01 con chung là Ngô Tấn V, sinh năm 1991 đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập riêng, ông B không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Ngô Văn B và bà Trương Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông Ngô Văn B xác định không có nợ chung.

[2.5] Về án phí: Ông Ngô Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản

2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn B.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Ngô Văn B được ly hôn bà Trương Thị H.

2. *Về con chung:* Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. *Về tài sản chung:* Ông Ngô Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Ông Ngô Văn B nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0000395 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Ông Ngô Văn B còn phải nộp 150.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn”.

5. *Về quyền kháng cáo:* Ông Ngô Văn B, bà Trương Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường L, thành phố C
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy